

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2022

V/v Ly hôn, nuôi con chung

giữa anh T, chị Y

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuý Mùi;

Ông Phạm Văn Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Minh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 02-6-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2022 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Đức T, sinh năm 1992; địa chỉ: T, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Anh T, chị Y có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Y kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09-11-2018. Sau khi kết hôn, hai người chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh T. Đến tháng 4-2019, chị Y xin phép anh T và gia đình về xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh

Nam Định giỗ bố cũng như làm thủ tục cắt khẩu từ xã H về thành phố Đà Nẵng. Nhưng từ ngày đó đến nay, chị Y đưa ra nhiều lý do không về chung sống với anh T, mặc dù anh T và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo chị Y về đoàn tụ nhưng chị Y không muốn đoàn tụ chung sống cùng anh T. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T làm đơn xin được ly hôn chị Y.

Về con chung: Anh T và chị Nguyễn Thị Y có 01 con chung là cháu Phạm Thuỳ C, sinh ngày 07-11-2019. Hiện cháu C đang do chị Y nuôi dưỡng nên khi ly hôn nguyện vọng của anh T tiếp tục để chị Y nuôi dưỡng cháu C, anh xin tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Y mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh T và chị Y không có tài sản, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25-3-2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Y có lời khai phù hợp với lời khai của anh T về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống của vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Y là do tính tình không hợp, quan điểm lối sống của hai người khác nhau nên tháng 4-2019 chị Y đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị Y xác nhận vợ chồng có 01 con chung như anh T trình bày. Nếu ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và nhất trí với đề nghị cấp dưỡng cho con chung của anh Trong với mức 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung. Chị Y xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung như anh T trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Phạm Đức T ly hôn với chị Nguyễn Thị Y. Về con chung, giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng con chung, anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Y mỗi tháng 1.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Đức T và chị Nguyễn Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Đức T và chị Nguyễn Thị Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND phường H, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đăng ký kết hôn ngày 09-11-2018. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 4-2019 đến nay, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay anh T yêu cầu xin được ly hôn, chị Y đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Đức T thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng, do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau, đến nay anh T và chị Y đã có thời gian sống ly thân lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Y đã trầm T, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Phạm Đức T và chị Nguyễn Thị Y có một con chung là cháu Phạm Thủy C, sinh ngày 07-11-2019, hiện đang do chị Y nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Y xin được nuôi dưỡng cháu C, anh T nhất trí để chị Y tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị Nguyễn Thị Y thì thấy: Cháu Phạm Thủy C dưới 36 tháng tuổi, hiện chị Y đang có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Để đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của cháu C, cần tiếp tục giao cháu Phạm Thủy C cho chị Y nuôi dưỡng; chị Y đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con như anh T đề nghị mỗi tháng 1.500.000đ. Do vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh T với số tiền như trên và tính thời gian cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng cháu C từ tháng 6/2022 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh T được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc anh T thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ của vợ chồng: Anh T và chị Y thống nhất, vợ chồng không có sản chung và công nợ chung nên về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Phạm Đức T phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Đức T và chị Nguyễn Thị Y.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thuỳ C, sinh ngày 07-11-2019 cho chị Nguyễn Thị Y nuôi dưỡng. Anh Phạm Đức T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Y mỗi tháng 1.500.000đ, kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi cháu C thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Phạm Đức T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006087 ngày 28-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; anh T còn phải nộp 300.000đ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải P;
- Mỗi đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái